

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Bùi Thị Út
- Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Uyên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H – sinh năm 1983 (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, không tổ chức cưới hỏi; đến ngày 26/01/2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do bà phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; từ thời điểm đó đến nay vợ chồng đã không còn sống chung; ông T về sống chung cùng

cha mẹ ông T. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì vợ chồng bà chưa bao giờ gặp nhau.

Nếu vợ chồng quay trở về chung sống với nhau thì cũng sẽ không hạnh phúc vì tình trạng vợ chồng đã không còn quan tâm nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn sống chung. Bà đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 03 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/7/2011. Hiện Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Kim L đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/7/2011 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Toà án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:***

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Toà án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/7/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt và bị đơn.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận ngày 26/01/2001; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn bà H trình bày là do bà phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; từ thời điểm đó đến nay vợ chồng đã không còn sống chung; ông T về sống chung cùng cha mẹ ông T. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì vợ chồng bà chưa bao giờ gặp nhau, không ai đặt vấn đề quay lại sống chung. Lời trình bày của bà H phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P ngày 18/6/2024. Mặc khác, ông T biết việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông T không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/7/2011. Hiện Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Kim

L đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu được nuôi con của bà H, thấy rằng: Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không sống chung, cháu Đ do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với bà H, bà H có công việc và thu nhập ổn định nên giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P-T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/7/2011. Ông Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002601 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang -T, tỉnh Ninh Thuận. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP.PR-TC;
- Chi cục THADS TP.PR-TC;
- Các đương sự;
- UBND phường Phước Mỹ (*Giấy CNKH số 88, quyển số 01, đăng ký ngày 26/11/2001*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thanh Tuấn**